

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/NQ-HĐND

Nam Định, ngày 23 tháng 4 năm 2021

### **NGHỊ QUYẾT**

**Về việc chấp thuận danh mục dự án phải thu hồi đất và phê duyệt danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng dưới 10 ha đất trồng lúa sang mục đích khác năm 2021 trên địa bàn tỉnh Nam Định; điều chỉnh diện tích đất lúa trong danh mục công trình, dự án đã được HĐND tỉnh thông qua**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI TÁM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;  
Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị quyết số 135/NQ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ về Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Nam Định;*

*Xét Tờ trình số 42/TTr-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấp thuận bổ sung danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất và phê duyệt danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 10 ha sang mục đích khác năm 2021 trên địa bàn tỉnh Nam Định; điều chỉnh diện tích đất lúa trong danh mục công trình, dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Chấp thuận danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất và danh mục các công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng dưới 10 ha đất trồng lúa sang mục đích khác năm 2021 trên địa bàn tỉnh Nam Định, điều chỉnh diện tích đất lúa trong danh mục các công trình, dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, cụ thể như sau:

- Bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất năm 2021 với 13 công trình, dự án, tổng diện tích 33,05 ha, gồm: 31,41 ha đất nông nghiệp (có 29,97 ha đất trồng lúa; ...); 1,64 ha đất phi nông nghiệp.

- Bổ sung danh mục các công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng dưới 10 ha đất trồng lúa năm 2021 gồm 03 công trình, dự án và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tổng diện tích 5,12 ha, gồm: 4,05 ha đất nông nghiệp (trong đó có 3,3 ha đất trồng lúa; ...); 0,04 ha đất phi nông nghiệp; 1,03 đất chưa sử dụng.

(Chi tiết theo biểu số 01 đính kèm)

- Điều chỉnh diện tích đất lúa của 01 công trình, dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 17 tháng 4 năm 2020.

(Chi tiết theo biểu số 02 đính kèm)

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết. Trong quá trình thực hiện, chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, các sở, ngành có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của các huyện đối với danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất dưới 10 ha đất trồng lúa sang mục đích khác, điều chỉnh diện tích đất lúa trong danh mục các công trình, dự án theo đúng quy định của Luật Đất đai và các quy định của pháp luật có liên quan.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định khóa XVIII, kỳ họp thứ mười tám thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 2, Điều 3;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh;
- Website Chính phủ, Website tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT. *TC*

**CHỦ TỊCH**



**Lê Quốc Chính**



**BIỂU SỐ 01**  
**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT VÀ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT DƯỚI 10 HA ĐẤT TRỒNG LÚA NĂM 2021**  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định)*

Đơn vị tính: ha

Số TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu diện tích cần sử dụng					Mục đích sử dụng	Quy hoạch sử dụng đất		Ghi chú
			Tổng số	Đất nông nghiệp		Đất phi NN	Đất CSD		Giai đoạn 2016-2020	Giai đoạn 2021-2030	
				Tổng số	Trong đó: Đất trồng lúa						
<b>I</b>	<b>Bổ sung Danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất thuộc KHSDD 2021</b>		33,05	31,41	29,97	1,64	-	-	23,26	9,79	
<b>1</b>	<b>Đất ở</b>		33,05	31,41	29,97	1,64	-	-	23,26	9,79	
	<i>Huyện Giao Thủy</i>		28,69	27,45	26,01	1,24	-	-	18,90	9,79	
	Khu dân cư tập trung có cơ sở hạ tầng	Giao Tiến	9,90	9,70	9,70	0,20	-	-	9,90		Đã có thông báo của TT Tỉnh ủy
	Khu dân cư tập trung có cơ sở hạ tầng	Hồng Thuận	9,00	8,00	8,00	1,00	-	-	9,00		Đã có thông báo của TT Tỉnh ủy
	Khu tái định cư phục vụ GPMB tuyến đường bộ ven biển và đầu giá cho nhân dân làm nhà ở	Giao Thiện	1,84	1,84	1,84	-	-			1,84	Phục vụ dự án trọng điểm của tỉnh
	Khu tái định cư phục vụ GPMB tuyến đường bộ ven biển và đầu giá cho nhân dân làm nhà ở	Giao Lạc	0,23	0,23	0,23	-	-			0,23	
	Khu tái định cư phục vụ GPMB tuyến đường bộ ven biển và đầu giá cho nhân dân làm nhà ở	Giao Hải	2,00	2,00	2,00	-	-			2,00	
	Khu tái định cư phục vụ GPMB tuyến đường bộ ven biển và đầu giá cho nhân dân làm nhà ở	Giao An	0,97	0,97	0,97	-	-			0,97	
	Khu tái định cư phục vụ GPMB tuyến đường bộ ven biển và đầu giá cho nhân dân làm nhà ở	Giao Hà	2,00	2,00	2,00	-	-			2,00	
	Khu tái định cư phục vụ GPMB tuyến đường bộ ven biển và đầu giá cho nhân dân làm nhà ở	Giao Xuân	1,16	1,12	1,12	0,04	-			1,16	
	Khu tái định cư phục vụ GPMB tuyến đường bộ ven biển và đầu giá cho nhân dân làm nhà ở	Giao Long	0,10	0,10	0,10	-	-			0,10	
	Khu tái định cư phục vụ GPMB tuyến đường bộ ven biển và đầu giá cho nhân dân làm nhà ở	Giao Phong	1,44	1,44	-	-	-			1,44	
	Khu tái định cư phục vụ GPMB tuyến đường bộ ven biển và đầu giá cho nhân dân làm nhà ở	Giao Châu	0,05	0,05	0,05	-	-			0,05	
	<i>Huyện Ý Yên</i>		3,24	2,84	2,84	0,40	-	-	3,24		
	Khu dân cư tập trung có cơ sở hạ tầng	Yên Bằng	3,24	2,84	2,84	0,40	-	-	3,24		
	<i>Huyện Nghĩa Hưng</i>		1,12	1,12	1,12	-	-	-	1,12		
	Khu dân cư tập trung có cơ sở hạ tầng	Nghĩa Lợi	1,12	1,12	1,12	-	-	-	1,12		
<b>II</b>	<b>Bổ sung Danh mục các công trình, dự án chuyển mục đích dưới 10 ha đất trồng lúa thuộc KHSDD 2021</b>		5,12	4,05	3,30	0,04	1,03	-	5,12	-	
<b>1</b>	<b>Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp</b>		2,82	1,75	1,00	0,04	1,03	-	2,82		
	<i>Huyện Ý Yên</i>		2,82	1,75	1,00	0,04	1,03	-	2,82		
	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Yên Bằng	2,82	1,75	1,00	0,04	1,03	-	2,82		Đất đầu giá
<b>2</b>	<b>Đất thương mại, dịch vụ</b>		1,15	1,15	1,15	-	-	-	1,15	-	
	<i>Huyện Nam Trực</i>		1,15	1,15	1,15	-	-	-	1,15		
	Cơ sở kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp	Nam Cường	0,70	0,70	0,70	-	-	-	0,70		Đã được thông qua tại NQ số 73/2017/NQ-HĐND ngày 7/12/2017; đề nghị tiếp tục triển khai thực hiện

Số TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu diện tích cần sử dụng					Mục đích sử dụng	Quy hoạch sử dụng đất		Ghi chú
			Tổng số	Đất nông nghiệp		Đất phi NN	Đất CSD		Giai đoạn 2016-2020	Giai đoạn 2021-2030	
				Tổng số	Trong đó: Đất trồng lúa						
	Cơ sở kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp	Đồng Sơn	0,45	0,45	0,45	-	-		0,45		Đã được thông qua tại NQ số 73/2017/NQ-HĐND ngày 7/12/2017; đề nghị tiếp tục triển khai thực hiện
3	<b>Đất ở tại nông thôn</b>		<b>1,15</b>	<b>1,15</b>	<b>1,15</b>	-	-	-	<b>1,15</b>		
	<i>Huyện Giao Thủy</i>		<i>1,15</i>	<i>1,15</i>	<i>1,15</i>	-	-	-	<i>1,15</i>		
	Đầu giá đất cho nhân dân làm nhà ở	Giao Tân	0,15	0,15	0,15	-	-	-	0,15		
	Đầu giá đất cho nhân dân làm nhà ở	Giao Thanh	0,09	0,09	0,09	-	-	-	0,09		
	Đầu giá đất cho nhân dân làm nhà ở	Giao Lạc	0,61	0,61	0,61	-	-	-	0,61		
	Đầu giá đất cho nhân dân làm nhà ở	Giao Tiến	0,30	0,30	0,30	-	-	-	0,30		
	<b>Tổng số</b>		<b>38,17</b>	<b>35,46</b>	<b>33,27</b>	<b>1,68</b>	<b>1,03</b>	-	<b>28,38</b>	<b>9,79</b>	

**BIỂU SỐ 02**  
**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC HĐND TỈNH CHẤP THUẬN NAY XIN ĐIỀU CHỈNH LẠI DIỆN TÍCH**  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định)*

*Đơn vị tính: ha*

Số TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu diện tích cần sử dụng					Mục đích sử dụng	Ghi chú
			Tổng số	Đất nông nghiệp		Đất phi NN	Đất CSD		
				Tổng số	Trong đó: Đất trồng lúa				
I	Điều chỉnh lại diện tích đất lúa đã được HĐND thông qua		1,50	1,48	1,48	0,02	-		
	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp		1,50	1,48	1,48	0,02	-		
	<i>Huyện Ý Yên</i>		<i>1,50</i>	<i>1,48</i>	<i>1,48</i>	<i>0,02</i>	-		
	Xưởng sản xuất kinh doanh áo mưa của Công ty TNHH Vĩnh Tiến	Yên Cường	1,50	1,48	1,48	0,02	-	Dự án đã được HĐND thông qua tại Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 17/4/2020 với diện tích đất lúa 1,09 ha nay điều chỉnh thành 1,48 ha tổng diện tích thực hiện dự án vẫn giữ nguyên không thay đổi (do sai sót trong quá trình nhập số liệu)	
	<b>Tổng số</b>		<b>1,50</b>	<b>1,48</b>	<b>1,48</b>	<b>0,02</b>	-	-	